

Bản án số: 217/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông TĐN, sinh năm 1964; “Vắng mặt. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

Địa chỉ: Phường A, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà ĐTL, sinh năm 1962; “Vắng mặt”

Nơi cư trú cuối cùng: Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông THQ, sinh năm 1987; “Vắng mặt. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

Địa chỉ: Phường A, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông TĐN trình bày:

Tôi và bà ĐTL chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/C13 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/1984). Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm, tôi cùng với con trai THQ bỏ đi về sinh sống tại thành phố

Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, chúng tôi không liên lạc với nhau, không ai quan tâm và hỏi han nhau kể từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên tôi đã nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với bà L tại Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên TTBV, sinh ngày 30/4/1985; THQ, sinh ngày 20/9/1987 và TGTT, sinh ngày 09/12/1991; cả 03 con chung đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bị đơn bà ĐTL: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 57/2021/QĐST-VDS ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 4 đã tuyên bố bà ĐTL, sinh năm 1962, nơi cư trú cuối cùng: Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là người mất tích. Ngày mất tích của bà ĐTL là ngày 01/01/1990. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông THQ trình bày: Tôi là con ruột của ba mẹ tôi là ông TĐN và bà ĐTL, do bất đồng quan điểm nên ba mẹ tôi đã sống ly thân với nhau, tôi cùng ba về nhà Phường A, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để sinh sống kể từ đó đến nay nên tôi không còn liên lạc hay tin tức gì của mẹ tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông N. Về quan hệ hôn nhân: Ông N được ly hôn với bà L; Về con chung: Ông N và bà L có 03 con chung tên TTBV, sinh ngày 30/4/1985; THQ, sinh ngày 20/9/1987 và TGTT, sinh ngày 09/12/1991; cả 03 con chung đều đã thành niên; Về tài sản chung, nợ chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc Ông N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do bà L là người mất tích và có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Bà ĐTL đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 57/2021/QĐST-VDS ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 4.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Ông N và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/C13 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/1984). Do đó, hôn nhân của Ông N và bà L là hợp pháp.

Thời gian đầu Ông N và bà L chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm, Ông N cùng với con trai THQ bỏ đi về sinh sống tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, ông bà không liên lạc với nhau, không ai quan tâm và hỏi han nhau kể từ đó cho đến nay. Sau đó, Ông N đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 4 tuyên bố bà L mất tích. Ngày 24/5/2021, Tòa án nhân dân Quận 4 đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 57/2021/QĐST-VDS tuyên bố bà ĐTL là người mất tích, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

Về con chung: Ông N và bà L có 03 con chung tên TTBV, sinh ngày 30/4/1985; THQ, sinh ngày 20/9/1987 và TGTT, sinh ngày 09/12/1991; cả 03 con chung đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông N tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ông N phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản Điều 68 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông TĐN được ly hôn với bà ĐTL (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/C13 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/1984).

- Về con chung: Ông N và bà L có 03 con chung tên TTBV, sinh ngày 30/4/1985; THQ, sinh ngày 20/9/1987 và TGTT, sinh ngày 09/12/1991; cả 03 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông TĐN phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0024964 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình